

Ngày 31/12/2025	51,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.7%	-10.7%	-15.8%

2025	
ROE	50.6%
	+/- YoY ▲ 0.1%

Q4/25	
DT thuần	327
tỷ VNĐ	
	QoQ ▲ 15.0% ▲ 4.8%
	YoY ▲ 33.0% ▲ 11.2%

2025	
DT thuần	1,197
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 160 ▲ 15.4%

Q4/25	
LN gộp	238
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 13.0% ▼ 5.0%
	YoY ▲ 31.0% ▲ 15.2%

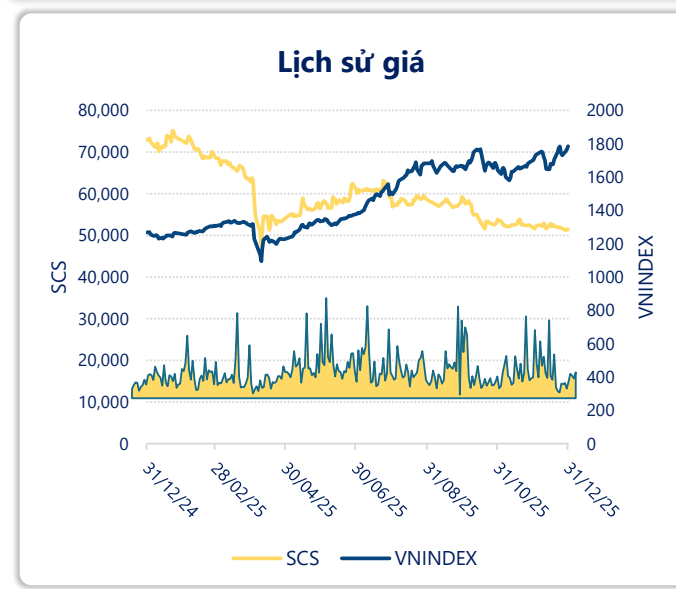
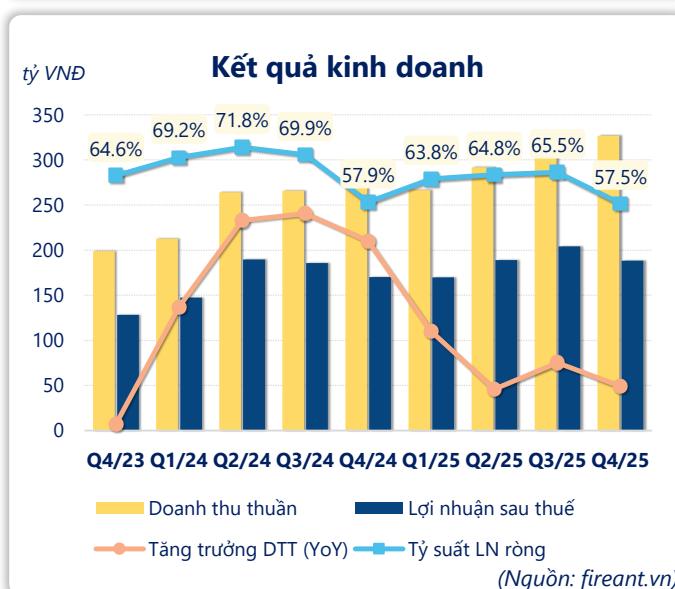
2025	
LN gộp	939
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 138 ▲ 17.2%

Q4/25	
LN thuần	236
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 18.0% ▼ 7.2%
	YoY ▲ 43.0% ▲ 22.1%

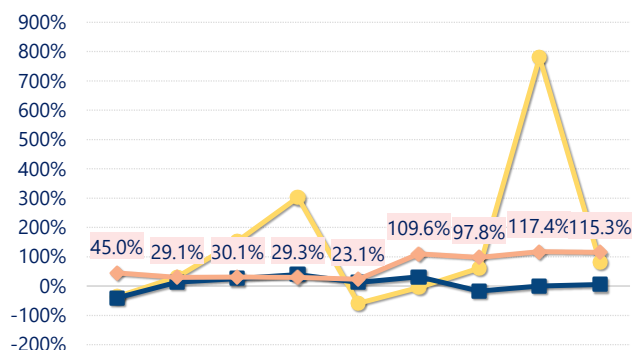
2025	
LN thuần	941
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 156 ▲ 19.8%

Q4/25	
LN sau thuế	188
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 16.0% ▼ 7.8%
	YoY ▲ 18.0% ▲ 10.7%

2025	
LN sau thuế	751
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 58.0 ▲ 8.4%



Tăng trưởng lợi nhuận

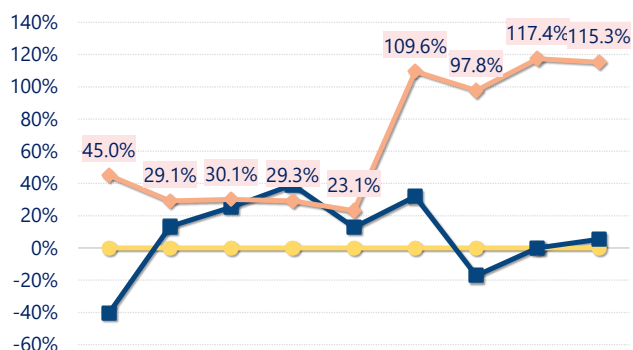


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

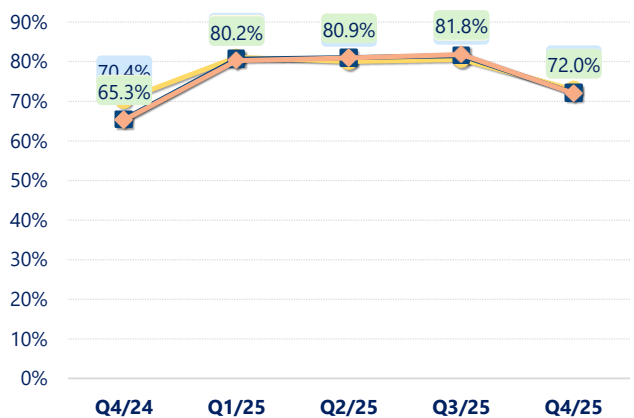


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY)
 — Tăng trưởng EBIT (YoY)
 — Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

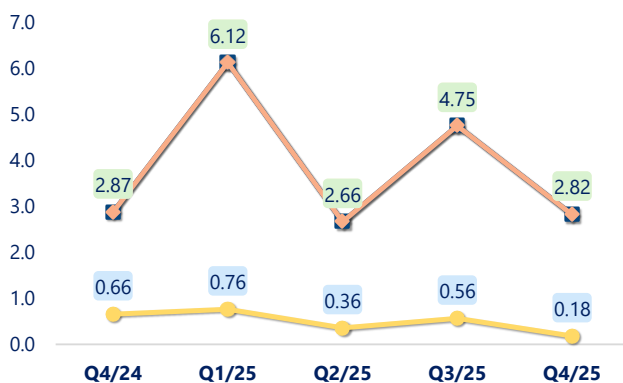


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp
 — Tỷ suất LN thuần
 — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

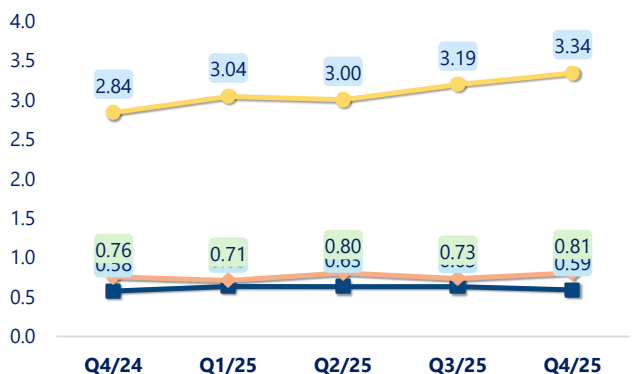


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt
 — Tỷ số thanh toán nhanh
 — Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

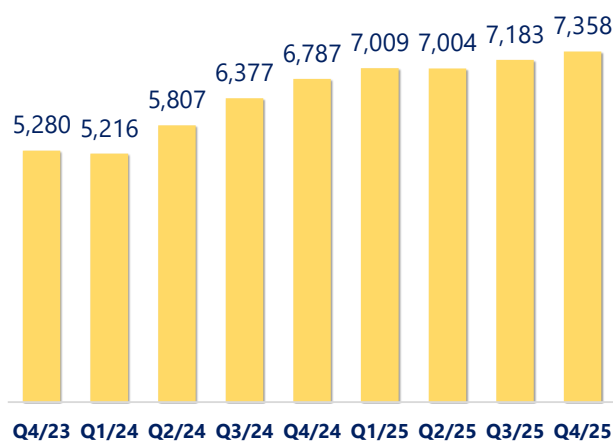


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ
 — Vòng quay Tổng TS
 — Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	327	294	11.2%	1,197	1,037	15.4%
Giá vốn hàng bán	88.6	87.2	1.6%	258	236	9.2%
Lợi nhuận gộp	238	207	15.2%	939	801	17.2%
Doanh thu HĐTC	21.0	15.3	37.5%	71.1	56.5	25.8%
Chi phí TC	0.31	1.06	-70.6%	0.31	1.14	-72.7%
Chi phí lãi vay	0.31	0.00		0.31	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	23.5	28.5	-17.4%	68.8	71.1	-3.3%
LN thuần từ HĐKD	236	193	22.1%	941	785	19.8%
Lợi nhuận khác	-0.57	-0.58	2.3%	-1.14	-2.39	52.5%
LN trước thuế	235	192	22.4%	940	783	20.1%
Lợi nhuận sau thuế	188	170	10.7%	751	693	8.4%
LNST của CĐ cty mẹ	188	170	10.7%	751	693	8.4%

(Nguồn: fireant.vn)

